

Bản án số: 88/2019/DS-ST
Ngày: 07-8-2019
V/v Tranh chấp hui và
tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Trang.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Đăng Quang.

2. Ông Phạm Công Luận.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thành Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Trong các ngày 05 và 07 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 72/2019/TLST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2019 về “Tranh chấp hui và tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 199/2019/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Bà **Nguyễn Thị T** (tên thường gọi: Tám T), sinh năm: 1964.

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Anh Nguyễn Hoàng L, sinh năm: 1988.

Địa chỉ: Ấp 7, xã M, huyện G, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn:

Chị **Nguyễn Thị H** (tên gọi khác: Nguyễn Thị Châu), sinh năm: 1988.

Anh **Ngô Văn B**, sinh năm: 1983.

Cùng địa chỉ: Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh L có mặt; chị H và anh B vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 3 năm 2019, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là anh Nguyễn Hoàng L trình bày:

Trong năm 2014, bà Nguyễn Thị T có tham gia các dây hụi do chị Nguyễn Thị H làm chủ hụi gồm:

Hụi 300.000 đồng/tháng, mở ngày 19/10/2014 âm lịch, có 45 phần, bà T tham gia 01 phần, đã đóng đến ngày 20/11/2016 là 24 tháng với số tiền là 9.900.000 đồng.

Hụi 300.000 đồng/tháng, mở ngày 15/12/2014 âm lịch, có 40 phần, bà T tham gia 02 phần, đã đóng đến ngày 20/11/2016 là 23 tháng với số tiền là 11.700.000 đồng.

Hụi 500.000 đồng/tháng, mở ngày 19/10/2014 âm lịch, có 31 phần, bà T tham gia 01 phần, đã đóng đến ngày 20/11/2016 là 13 tháng với số tiền 6.500.000 đồng.

Tổng số tiền bà T đóng hụi là 28.100.000 đồng và cũng chưa hốt hụi. Chị H tuyên bố bẻ hụi nhưng đến nay chưa trả tiền cho bà T. Phần tiền thiếu này chị H có ghi giấy cho bà T.

Ngoài ra chị H và chồng là anh Ngô Văn B còn vay tiền bà T nhiều lần tổng cộng là 55.300.000 đồng, vay không tính lãi, không nói thời hạn trả.

Chị H, anh B đã trả được 1.800.000 đồng tiền hụi và 4.500.000 đồng tiền vay. Chị H, anh B còn thiếu 26.300.000 đồng tiền hụi và 50.800.000 đồng tiền vay, tổng cộng là 77.100.000 đồng nhưng đến nay chưa trả nên bà T khởi kiện yêu cầu chị H và anh B có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 77.100.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi.

Tại bản tự khai, biên bản về việc ghi nhận ý kiến của đương sự và biên bản hòa giải ngày 06/5/2019, bị đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị thừa nhận bà T có tham gia 03 dây hụi như anh L trình bày và do bẻ hụi nên chị còn thiếu bà T số tiền 28.100.000 đồng. Ngoài ra, bà T có cho chị mượn hụi của bà T số tiền là 28.300.000 đồng. Tổng cộng chị thiếu bà T 56.400.000 đồng, chị đã trả được hai lần tiền, một lần 6.500.000 đồng, một lần 4.500.000 đồng, tổng cộng đã trả được 11.000.000 đồng.

Chị không có vay tiền của bà T.

Chị và anh B là vợ chồng hợp pháp. Từ trước đến nay cùng làm ăn chung và sống chung với nhau. Việc chị mở hụi và mượn hụi của bà T là để phục vụ kinh tế, sinh hoạt gia đình.

Như vậy, số tiền vợ chồng chị còn thiếu bà T là 45.400.000 đồng. Vợ chồng chị đồng ý trả cho bà T số tiền này nhưng xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, thời gian trả tiền là vào ngày 10 tây hàng tháng, lần trả tiền đầu tiên vào ngày 10/6/2019, lần cuối cùng trả số tiền là 1.400.000 đồng.

Nếu đến hạn trả tiền mà vợ chồng chị không trả thì nguyên đơn có quyền yêu cầu thi hành một lần đối với số tiền vợ chồng chị còn nợ.

Tại biên bản hòa giải ngày 06/5/2019, bị đơn là anh Ngô Văn B trình bày:

Anh là chồng hợp pháp của chị H. Anh thống nhất với ý kiến của chị H. Do kinh tế khó khăn nên anh và chị H bị bế hụi.

Anh đồng ý cùng chị H trả số tiền 45.400.000 đồng cho bà T nhưng yêu cầu được trả dần mỗi tháng là 1.000.000 đồng, thời gian trả tiền là vào ngày 10 tây hàng tháng, lần trả tiền đầu tiên vào ngày 10/6/2019, lần cuối cùng trả số tiền là 1.400.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre giải quyết tranh chấp hụi và tranh chấp hợp đồng vay tài sản với chị Nguyễn Thị H, anh Ngô Văn B. Chị H, anh B có nơi cư trú tại ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Bến Tre.

Chị Nguyễn Thị H, anh Ngô Văn B là bị đơn trong vụ án đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị H, anh B.

Bị đơn không có yêu cầu phản tố. Các đương sự không có yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết, chữ số, không có yêu cầu T thập chứng cứ gì thêm, không yêu cầu đưa thêm người khác vào tham gia tố tụng trong vụ án, không yêu cầu triệu tập người làm chứng.

[2] Về nội dung:

Bà T yêu cầu chị H và anh B có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ hụi là 26.300.000 đồng, nợ vay là 50.800.000, tổng cộng là 77.100.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi.

Chứng cứ để bà T khởi kiện là giấy viết tay đề ngày 20/11/2016 số tiền nợ hụi 28.100.000 đồng, bên dưới có ghi “Châu thiếu”, giấy viết tay đề ngày 30/4/2017 số tiền ghi nợ là 55.300.000 đồng, bên dưới có ký tên và ghi họ tên vợ Nguyễn Thị Châu và có chữ ký dưới chữ “chồng ký” theo nguyên đơn cho rằng là chữ ký của anh B.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 06/5/2019, anh L đại diện cho bà T cho rằng để sớm kết thúc vụ án thì anh đồng ý thỏa thuận để chị H, anh B có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 45.400.000 đồng. Chị H, anh B thống nhất đồng ý với ý kiến của anh L nên Tòa án lập biên bản ghi nhận sự thỏa thuận các đương sự.

Ngày 10/5/2019, bà T có đơn xin thay đổi ý kiến, nội dung yêu cầu chị H và anh B phải trả cho bà số tiền 77.100.000 đồng.

Sau khi nhận đơn thay đổi ý kiến của bà T, Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về việc bà T thay đổi ý kiến nhưng chị H, anh B không có ý kiến, vắng mặt. Tòa án thông báo về phiên đối chất nhưng chị H, anh B cũng không đến tham gia để đối chất làm rõ các vấn đề trong vụ án có liên quan đến số tiền bà T khởi kiện và các chứng cứ khởi kiện của bà T.

Theo các chứng cứ bà T làm căn cứ khởi kiện thì số tiền hụi chị H thiếu bà là 28.100.000 đồng, tiền vay là 55.300.000 đồng, tổng cộng là 83.400.000 đồng. Chị H và anh B không chứng minh được việc đã trả được số tiền 11.000.000 đồng. Bà T chỉ thừa nhận chị H, anh B trả 6.300.000 đồng và cho rằng chị H, anh B còn thiếu 77.100.000 đồng đến nay chưa trả mặc dù bà nhiều lần đòi nợ.

Chị H và anh B là vợ chồng hợp pháp, cùng làm ăn chung, đồng ý liên đới trả nợ nhưng số tiền đồng ý trả chỉ 45.400.000 đồng trong khi bà T yêu cầu trả 77.100.000 đồng nên các bên không thống nhất được số tiền phải trả.

Do chị H và anh B vi phạm nghĩa vụ trả nợ, bà T khởi kiện có căn cứ nên cần buộc chị H và anh B có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T số tiền 77.100.000 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị H, anh B phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 77.100.000 đồng ($77.100.000 \text{ đồng} \times 5\% = 3.855.000 \text{ đồng}$).

Trả lại cho bà T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.977.500 đồng theo biên lai thu số 0002075 ngày 21 tháng 3 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 471, 474 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng

12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

Buộc chị Nguyễn Thị H và anh Ngô Văn B có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền là 77.100.000đ (Bảy mươi bảy triệu một trăm nghìn đồng), trong đó tiền hui là 26.300.000đ (Hai mươi sáu triệu ba trăm nghìn đồng) và tiền vay là 50.800.000đ (Năm mươi triệu tám trăm nghìn đồng)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị H và anh Ngô Văn B phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 3.855.000đ (Ba triệu tám trăm năm mươi lăm nghìn đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bến Tre.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.977.500đ (Một triệu chín trăm bảy mươi bảy nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu số 0002075 ngày 21 tháng 3 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phạm Thị T Trang